

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92/TTLĐNN-TCLĐ

V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K16-SN10/2025

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc theo Chương trình EPS, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo đến quý Sở kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K16-SN10/2025 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày 17/06 đến ngày 01/07/2025;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: 15h00 Thứ hai ngày 16/06/2025;

- Địa điểm đào tạo: Cơ sở đào tạo của Trung tâm Lao động ngoài nước (nằm trong khuôn viên Trung tâm dạy nghề và đào tạo lao động Sona, địa chỉ: thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội).

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- Hồ sơ xin cấp visa

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ Tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

- Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

- Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **17/06/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý

Sở./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.QLHTLĐ (để nhắn tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Ngọc Lan

DANH SÁCH LAO ĐỘNG
THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K16-SN10/2025

(Kèm theo Công văn số 399/TTLDNN-TCLĐ ngày 09/6/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	50307027	Ngô Đức Long	22/09/2004	Nam	Bắc Giang	K16SN10-01
2	50307107	Chu Văn Quyết	21/07/2005	Nam	Bắc Giang	K16SN10-02
3	50304109	Nông Thế Thạch	07/12/1997	Nam	Cao Bằng	K16SN10-03
4	50309480	Lò Thị Phương	07/10/2004	Nữ	Điện Biên	K16SN10-04
5	50309481	Lò Thị Phương	15/11/2002	Nữ	Điện Biên	K16SN10-05
6	50303814	Nguyễn Xuân Quý	11/07/2005	Nam	Hà Nam	K16SN10-06
7	50303913	Nguyễn Văn Phụng	05/12/2003	Nam	Hà Nam	K16SN10-07
8	50313270	Trần Đức Thuận	10/07/1993	Nam	Hà Nam	K16SN10-08
9	50302145	Hồ Thị Trang	08/11/2003	Nữ	Hải Dương	K16SN10-09
10	50302208	Đỗ Thị Vui	27/02/2001	Nữ	Hải Dương	K16SN10-10
11	50302420	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/10/2003	Nữ	Hải Dương	K16SN10-11
12	50301511	Nguyễn Văn Chiến	11/09/2001	Nam	Hải Phòng	K16SN10-12
13	50301552	Phạm Văn Hào	11/09/2002	Nam	Hải Phòng	K16SN10-13
14	50301631	Nguyễn Quang Huy	19/09/2004	Nam	Hải Phòng	K16SN10-14
15	50301664	Vũ Hồng Anh	09/12/2002	Nam	Hải Phòng	K16SN10-15
16	50301698	Nguyễn Thanh Hoa	12/06/2003	Nữ	Hải Phòng	K16SN10-16
17	50301813	Nguyễn Đắc Sáng	26/07/2000	Nam	Hải Phòng	K16SN10-17
18	50301844	Nguyễn Phú Sinh	21/06/2002	Nam	Hải Phòng	K16SN10-18
19	50301893	Mai Thị Dung	27/09/1990	Nữ	Hải Phòng	K16SN10-19
20	50301981	Nguyễn Đại Hoàng	09/10/1996	Nam	Hải Phòng	K16SN10-20
21	50309712	Hà Thị Huệ	22/12/1996	Nữ	Hoà Bình	K16SN10-21
22	50309734	Quách Thị Hà Thanh	08/07/2000	Nữ	Hoà Bình	K16SN10-22
23	50309748	Đỗ Công Chính	27/01/1994	Nam	Hoà Bình	K16SN10-23
24	50304503	Vy Hoàng Thành	18/12/2005	Nữ	Lạng Sơn	K16SN10-24
25	50304801	Nông Viết Hùng	26/05/1999	Nam	Lạng Sơn	K16SN10-25
26	50508202	Vũ Thị Hiền	27/05/2004	Nữ	Nam Định	K16SN10-26
27	50310005	Đặng Văn Nguyên	06/10/1988	Nam	Nam Định	K16SN10-27
28	50310131	Nguyễn Trung Kiên	19/09/2005	Nam	Nam Định	K16SN10-28
29	50310179	Nguyễn Quang Danh	23/07/2005	Nam	Nam Định	K16SN10-29
30	50310210	Nguyễn Thị Huyền Trâm	03/06/1999	Nữ	Nam Định	K16SN10-30
31	50310220	Trịnh Thanh Tùng	28/08/2002	Nam	Nam Định	K16SN10-31
32	50310279	Phan Văn Thành	22/09/1998	Nam	Nam Định	K16SN10-32
33	50310433	Ngô Dương Hương	02/02/1998	Nữ	Nam Định	K16SN10-33
34	50310610	Vũ Anh Tú	26/12/2003	Nam	Nam Định	K16SN10-34
35	50310682	Phạm Thị Trà My	08/01/2005	Nữ	Nam Định	K16SN10-35
36	50310732	Nguyễn Công Thuận	22/08/2005	Nam	Nam Định	K16SN10-36
37	50310787	Nguyễn Thị Tươi	15/02/1993	Nữ	Nam Định	K16SN10-37
38	50310792	Lương Văn Tuấn	12/06/1993	Nam	Nam Định	K16SN10-38
39	50310950	Phạm Văn Dương	17/10/2000	Nam	Nam Định	K16SN10-39
40	50310982	Bùi Thị Nhu	29/05/1998	Nữ	Nam Định	K16SN10-40
41	50341063	Lê Thị Hằng	06/08/1992	Nữ	Nam Định	K16SN10-41



Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
42	51104165	Phạm Thị Thanh	12/02/2003	Nữ	Ninh Bình	K16SN10-42
43	50312013	Đoàn Văn Vũ	10/04/1995	Nam	Ninh Bình	K16SN10-43
44	50312032	Nguyễn Văn Nghĩa	22/10/1993	Nam	Ninh Bình	K16SN10-44
45	50312033	Lê Văn Phúc	11/01/2001	Nam	Ninh Bình	K16SN10-45
46	50312040	Phạm Tuấn Kiệt	03/03/2002	Nam	Ninh Bình	K16SN10-46
47	50312042	Trần Đức Duy	29/08/2000	Nam	Ninh Bình	K16SN10-47
48	50312068	Đỗ Văn Phong	14/02/2001	Nam	Ninh Bình	K16SN10-48
49	50312092	Vũ Văn Chi	16/07/2003	Nam	Ninh Bình	K16SN10-49
50	50312157	Phạm Trường Thành	07/06/2004	Nam	Ninh Bình	K16SN10-50
51	50312174	Đỗ Minh Công	11/02/2000	Nam	Ninh Bình	K16SN10-51
52	50312197	Vũ Văn Tâm	09/03/2003	Nam	Ninh Bình	K16SN10-52
53	50312199	Trần Thị Bình	09/11/1991	Nữ	Ninh Bình	K16SN10-53
54	50312207	Trần Văn Khánh	26/12/2002	Nam	Ninh Bình	K16SN10-54
55	50312274	Nguyễn Văn Ngọc	17/03/1997	Nam	Ninh Bình	K16SN10-55
56	50312297	Nguyễn Văn Công	01/10/1995	Nam	Ninh Bình	K16SN10-56
57	50312331	Nguyễn Thế Mạnh	16/02/2000	Nam	Ninh Bình	K16SN10-57
58	50312362	Nguyễn Văn Hiến	02/12/2003	Nam	Ninh Bình	K16SN10-58
59	50312394	Trịnh Ngọc Hải	05/09/1999	Nam	Ninh Bình	K16SN10-59
60	50312400	Nguyễn Minh Duy	27/12/2001	Nam	Ninh Bình	K16SN10-60
61	50312434	Nguyễn Trung Hiếu	15/06/2005	Nam	Ninh Bình	K16SN10-61
62	50312441	Trần Văn Hạnh	19/09/1998	Nam	Ninh Bình	K16SN10-62
63	50312455	Phạm Văn Duẩn	19/02/1997	Nam	Ninh Bình	K16SN10-63
64	50312460	Trần Văn Cương	07/12/1998	Nam	Ninh Bình	K16SN10-64
65	50312474	Vũ Văn Ngọc	12/08/1991	Nam	Ninh Bình	K16SN10-65
66	50312543	Phạm Ngọc Hưng	19/11/2004	Nam	Ninh Bình	K16SN10-66
67	50312560	Vũ Văn Minh	28/08/1994	Nam	Ninh Bình	K16SN10-67
68	50312564	Lê Văn Hoàng	23/09/1993	Nam	Ninh Bình	K16SN10-68
69	50312566	Trần Văn Tuyển	27/01/2002	Nam	Ninh Bình	K16SN10-69
70	50312612	Nguyễn Văn Cẩm	11/10/1994	Nam	Ninh Bình	K16SN10-70
71	50312747	Đặng Chu Thái An	16/01/2004	Nam	Ninh Bình	K16SN10-71
72	50312800	Nguyễn Văn Sang	26/11/1994	Nam	Ninh Bình	K16SN10-72
73	50312895	Lê Tiến Dũng	28/09/2001	Nam	Ninh Bình	K16SN10-73
74	50312957	Lê Văn Duy	06/09/2002	Nam	Ninh Bình	K16SN10-74
75	50340720	Bùi Minh Quang	24/01/2000	Nam	Ninh Bình	K16SN10-75
76	50308984	Lê Công Anh	27/03/2003	Nam	Quảng Ninh	K16SN10-76
77	50309003	Nguyễn Thị Dương	18/02/2003	Nữ	Quảng Ninh	K16SN10-77
78	50309168	Bùi Trung Nam	26/01/2000	Nam	Quảng Ninh	K16SN10-78
79	50309297	Dương Đức Quý	01/07/2003	Nam	Quảng Ninh	K16SN10-79
80	50309307	Nguyễn Thị Thu Trang	02/08/2002	Nữ	Quảng Ninh	K16SN10-80
81	50309580	Lò Thu Hiền	26/10/2005	Nữ	Sơn La	K16SN10-81
82	50309633	Vàng Thị Thu	23/08/1998	Nữ	Sơn La	K16SN10-82
83	50304942	Vũ Tuấn Ninh	27/08/2005	Nam	Tuyên Quang	K16SN10-83
84	50305019	Trần Ngọc Tươi	03/04/2003	Nữ	Tuyên Quang	K16SN10-84
85	50311007	Nguyễn Văn Hiệu	09/04/1988	Nam	Thái Bình	K16SN10-85
86	50311023	Nguyễn Hoàng Vũ	30/01/2005	Nam	Thái Bình	K16SN10-86

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
87	50311024	Nguyễn Văn Quân	04/10/1998	Nam	Thái Bình	K16SN10-87
88	50311032	Đinh Văn Tùng	15/05/2002	Nam	Thái Bình	K16SN10-88
89	50311038	Đào Xuân Toàn	19/01/2001	Nam	Thái Bình	K16SN10-89
90	50311059	Nguyễn Ngọc Tùng	22/06/1988	Nam	Thái Bình	K16SN10-90
91	50311089	Hoàng Văn Vinh	07/05/1991	Nam	Thái Bình	K16SN10-91
92	50311104	Trần Văn Giang	26/04/2003	Nam	Thái Bình	K16SN10-92
93	50311123	Tổng Minh Hải	28/10/2005	Nam	Thái Bình	K16SN10-93
94	50311134	Phạm Văn Đoàn	24/03/1998	Nam	Thái Bình	K16SN10-94
95	50311148	Nguyễn Thái Bảo	30/05/2005	Nam	Thái Bình	K16SN10-95
96	50311158	Ngô Tiến Đạt	14/10/2005	Nam	Thái Bình	K16SN10-96
97	50311213	Khổng Tiến Huyền	04/01/1997	Nam	Thái Bình	K16SN10-97
98	50311289	Lương Văn Luân	12/06/1991	Nam	Thái Bình	K16SN10-98
99	50311300	Nguyễn Hoàng Phúc	28/07/1997	Nam	Thái Bình	K16SN10-99
100	50311312	Trần Bá Hoàn	25/12/2005	Nam	Thái Bình	K16SN10-100
101	50311364	Đỗ Duy Thuận	27/02/1991	Nam	Thái Bình	K16SN10-101
102	50311370	Vũ Thanh Tùng	30/10/1992	Nam	Thái Bình	K16SN10-102
103	50311392	Lê Trung Hiếu	17/10/2003	Nam	Thái Bình	K16SN10-103
104	50311413	Nguyễn Công Thành	12/05/1991	Nam	Thái Bình	K16SN10-104
105	50311432	Nguyễn Văn Hoàn	04/01/2004	Nam	Thái Bình	K16SN10-105
106	50311458	Đoàn Văn Ninh	18/05/1986	Nam	Thái Bình	K16SN10-106
107	50311515	Phạm Văn Kiên	11/06/1994	Nam	Thái Bình	K16SN10-107
108	50311552	Đào Văn Việt	20/12/2003	Nam	Thái Bình	K16SN10-108
109	50311566	Trình Văn Dũng	16/06/1993	Nam	Thái Bình	K16SN10-109
110	50311585	Trần Sỹ Thành	14/03/1996	Nam	Thái Bình	K16SN10-110
111	50311723	Đoàn Tất Trọng	09/09/1987	Nam	Thái Bình	K16SN10-111
112	50341333	Mai Văn Kiện	10/01/1992	Nam	Thái Bình	K16SN10-112
113	50305419	Trần Thị Vân Thư	15/01/2004	Nữ	Thái Nguyên	K16SN10-113
114	50305548	Đồng Thanh Hùng	09/03/1993	Nam	Thái Nguyên	K16SN10-114
115	50305688	Trần Trung Thành	23/07/1999	Nam	Thái Nguyên	K16SN10-115
116	50305709	Phạm Văn Khoa	19/10/1991	Nam	Thái Nguyên	K16SN10-116
117	50306709	Bùi Thị Hà Phương	23/10/2005	Nữ	Vĩnh Phúc	K16SN10-117
118	50306868	Nguyễn Thị Kim Trâm	28/02/2005	Nữ	Vĩnh Phúc	K16SN10-118
119	50305209	Lão A Phừ	09/04/1990	Nam	Yên Bái	K16SN10-119

